

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HSST
Ngày 04/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Huyền;

2. Bà Nguyễn Thị Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ưu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2019/TLST - HS ngày 18/01/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST- HS ngày 20/02/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc C, tên gọi khác: Không; sinh năm 1962; nơi ĐKNKTT: Tổ 13, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; trình độ học vấn: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Xuân C (đã chết) và bà Nguyễn Thị A; có vợ là Nguyễn Thị Th (đã ly hôn); có 02 con (con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 2001); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/8/2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

** Người làm chứng:*

- Lưu Xuân Kh; sinh năm 1975; trú tại: Tổ 17, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- Nguyễn Văn Th; sinh năm 1984; trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, tổ công tác thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã đến thôn N, xã Đ, huyện B và phát hiện bắt quả tang đối tượng Nguyễn Ngọc C có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy. Tiến hành kiểm tra, tổ công tác đã thu giữ được trong chiếc túi du lịch có quai đeo màu nâu của Nguyễn Ngọc C có 06 gói nhỏ bên trong có chứa chất bột màu trắng, C khai là chất ma túy (Heroin), tổ công tác đã niêm phong toàn bộ 06 gói nhỏ chất bột màu trắng nghi là ma túy vào trong phong bì ký hiệu A1, rồi đưa C cùng tang vật về trụ sở Công an huyện B để điều tra làm rõ.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành cân xác định trọng lượng số chất bột màu trắng thu giữ của Nguyễn Ngọc C có trọng lượng là 0,180 gam, đồng thời ra quyết định trưng cầu giám định số chất bột trên.

Tại Kết luận giám định số 91/PC54-MT ngày 05/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: *“Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu B1 thu giữ của Nguyễn Ngọc C mà cơ quan điều tra Công an huyện B gửi giám định là chất ma túy, loại Heroin có khối lượng là 0,180g”*. Sau giám định, mẫu chất bột còn lại là 0,140 gam cùng phong bì, bao gói cũ được niêm phong vào phong bì mới ký hiệu T91, hoàn trả lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B quản lý theo quy định.

Quá trình điều tra, bị can Nguyễn Ngọc C khai nhận: Bản thân là người nghiện ma túy (Heroin) nên đêm ngày 29/8/2018 sau khi ăn cơm tối ở lán trại xây dựng tại xã H, C mượn xe máy của anh H (người cùng làm thợ xây với C) để đi tìm mua ma túy sử dụng. C điều khiển xe máy đi theo đường 279 hướng H đi N, huyện Ng, đi được khoảng 04km thì gặp một người đàn ông đứng ở cạnh đường nhìn giống người nghiện chất ma túy nên C dừng xe hỏi mua ma túy thì được người đó bán cho 01 gói với giá 200.000 đồng, mua được ma túy, C sử dụng tại đó luôn. Sau khi sử dụng xong C hỏi người đàn ông đó mua tiếp và được người đó bán cho 06 gói với giá 900.000 đồng rồi C đi về H luôn và nhờ H đưa ra thị trấn B để sáng hôm sau bắt xe khách đi về quê ở Nam Định. Sáng ngày 30/8/2018 khi C đang ở phòng trọ của anh Lưu Xuân Kh ở thôn N, xã Đ, huyện B để chờ bắt xe khách về quê thì bị Tổ công tác Công an huyện B phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi tàng trữ trái phép 06 gói ma túy (Heroin) có khối lượng 0,180 gam để ở giữa hai gói thuốc bắc đặt ở đáy túi du lịch có quai đeo màu nâu của C.

Tại bản Cáo trạng số 03/CT-VKSBB, ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) ...;

c) Heroin, ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng ”.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s, v, x khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc C từ 01 đến 02 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 30/8/2018. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 5.000.000 đồng để xung công quỹ Nhà nước. Về xử lý vật chứng và án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Ngọc C thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như trên là đúng người, đúng tội và mức hình phạt theo đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp, bị cáo chỉ xin HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện B và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Ngọc C thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở xác định: Hồi 12 giờ 30 phút, ngày 30/8/2018 tại phòng trọ của anh Lưu Xuân Kh ở thôn N, xã Đ, huyện B, Cơ

quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B bắt quả tang đối với Nguyễn Ngọc C về hành vi tàng trữ 06 gói ma túy (Heroin), số ma túy này C mua với một người đàn ông không quen biết tại dọc đường 279 đoạn đường từ xã H, huyện B đi thị trấn N, huyện Ng, tỉnh Bắc Kạn vào tối ngày 29/8/2018, mục đích mua về để sử dụng cho bản thân. Tại bản Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: “Số chất bột màu trắng có trong phong bì ký hiệu B1 thu giữ của Nguyễn Ngọc C gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine có khối lượng 0,180 gam”. Hành vi tàng trữ trái phép 0,180 gam chất ma túy (Heroin) của Nguyễn Ngọc C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền quản lý của nhà nước đối với các chất ma túy, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương nên cần xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Ngọc C có nhân thân tốt, bản thân là một cán bộ công an đã có nhiều năm phục vụ liên tục trong lực lượng công an nhân dân, góp phần giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ tổ quốc. Tuy nhiên sau khi nghỉ hưu, bị cáo đã không gìn giữ, phát huy được những phẩm chất đáng quý của người cán bộ công an nhân dân mà lại sa vào con đường nghiện ngập chất ma túy nên đã dẫn đến hành vi phạm tội như trên.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; bị cáo là người có thành tích xuất sắc trong công tác và có bố đẻ là liệt sĩ do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, v, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự 2015.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo trong một thời gian nhất định nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung cho xã hội.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng và án phí đối với bị cáo là phù hợp, có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có nguồn thu nhập ổn định là lương hưu hàng tháng do vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung là “Phạt tiền” đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 (Một) phong bì niêm phong bên trong chứa toàn bộ giấy gói chất ma túy thu được và phong bì niêm phong cũ, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 túi du lịch (ba lô) có quai đeo, màu nâu đã qua sử dụng, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không dùng để liên lạc thực hiện tội phạm, cần trả lại cho bị cáo Cù.

- 01 phong bì mẫu hoàn trả đã niêm phong ký hiệu T91 bên trong phong bì có chứa 0,140 gam ma túy cùng phong bì, bao gói cũ, là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về nguồn gốc số ma túy bị cáo Nguyễn Ngọc C khai mua với một người đàn ông không quen biết, ở cạnh đường 279 đoạn từ xã H đi thị trấn N, huyện Ng, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không cung cấp được họ tên, địa chỉ cụ thể của đối tượng này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo:

- Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s, v, x khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc C 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 30/8/2018.

- Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 5.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) phong bì niêm phong bên trong chứa toàn bộ giấy gói chất ma túy thu được và phong bì niêm phong cũ; 01 túi du lịch (ba lô) có quai đeo, màu nâu đã qua sử dụng; 01 phong bì mẫu hoàn trả đã niêm phong ký hiệu T91 bên trong phong bì có chứa 0,140 gam cùng phong bì, bao gói cũ. Tình trạng phong bì niêm phong còn nguyên vẹn, mặt trước phong bì có ghi Mẫu hoàn trả vụ Nguyễn Ngọc C (1962) tàng trữ trái phép chất ma túy, ký hiệu “T91” mặt sau có 03 chữ ký không đọc được cùng 02 dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Bị cáo Nguyễn Ngọc C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- THADS huyện B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

